TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2023/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 26 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Lê Viết H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Mỹ L và anh Lê Viết H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Lê Viết H có 01 (một) con chung là Lê Cao Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2020. Hiện con Lê Cao Quỳnh N đang sống chung với chị Cao Thị Mỹ L.

Giao cho chị Cao Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Cao Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2020 đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho chị Cao Thị Mỹ L biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị L vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, hiện tại anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Viết H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Cao Thị Mỹ L.

Sau khi ly hôn, anh Lê Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Cao Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Viết H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu anh Lê Viết H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì chị Cao Thị Mỹ L có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Viết H.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định về việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Cao Thị Mỹ L và anh Lê Viết H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Thuận tình ly hôn các đương sự chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó chị L phải chịu 75.000 đồng và anh H phải chịu 75.000 đồng. Chị L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000 đồng cả phần của anh H nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004062 ngày 03/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị L số tiền 150.000 đồng.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Đức